

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Bích Ngọc;

- Bà Nguyễn Thị Nhẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Chị Lý Thị B, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lục Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị B kết hôn với nhau từ tháng 10 năm 1987. Trước khi cưới anh chị có được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn vì anh chị không thấy chính quyền địa phương thông báo về việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau 04 con chung. Năm 2013 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến tháng 7 năm 2017 vợ chồng ly thân không quan tâm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn,

anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Lý Thị B là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là cháu Lục Kim L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1996, cháu Lục Thị H, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1993, cháu Lục Văn T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998 và cháu Lục Thị H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1990. Hiện nay cả bốn con đã thành niên, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo bị đơn chị Lý Thị B trình bày: Chị và anh Lục Văn T kết hôn từ năm 1987. Trước khi cưới anh chị có được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn vì anh chị không thấy chính quyền địa phương thông báo về việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau 04 con chung. Năm 1994 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bỏ nhau, sau đó lại quay về chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do công việc đời sống thường ngày, toàn bộ kinh tế chị lo, anh T chơi bời cờ bạc dẫn đến hai bên xảy ra cãi vã, anh T còn đánh đập chị và nhét rẻ vào mồm chị. Nay anh T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận anh Thanh và chị là vợ chồng, quan điểm chị B không đồng ý vì các con còn chị không có tình cảm gì với anh T nữa. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay.

Về con chung: Bị đơn xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Lục Kim L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1996, cháu Lục Thị H, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1993, cháu Lục Văn T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998 và cháu Lục Thị H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1990. Hiện nay cả bốn con đã thành niên, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng của nguyên đơn. Về con chung, tài sản,

công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lục Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Lý Thị B là vợ chồng, chị B có nơi cư trú tại xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lục Văn T và chị Lý Thị B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1987, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh T và chị B đều thừa nhận là anh chị không đi đăng ký kết hôn vì khi đó không thấy chính quyền địa phương thông báo về việc đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành làm việc với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T là nơi anh T và chị B sinh sống cư trú xác nhận anh chị chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1987 cho đến nay có 04 con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, xét thấy việc anh T và chị B chung sống với nhau từ năm 1987 cho đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hơn nữa quá trình chung sống giữa anh T và chị B xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị B do làm ăn kinh tế còn theo chị B là do công việc đời sống thường ngày, toàn bộ kinh tế gia đình chị tự lo, anh T chơi bời, có lần anh T đánh đập chị và nhét rỏ vào mồm, bản thân chị không còn tình cảm anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Lục Văn T và chị Lý Thị B.

[3] Về con chung: Anh T và chị B xác nhận các con đã trưởng thành, do vậy anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lục Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lục Văn T và chị Lý Thị B là vợ chồng

2. Về án phí: Anh Lục Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001107 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

